

Bản án số: 871/2017/DS-ST

Ngày: 14/8/2017

V/v “Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ánh Phương

Các Hội thẩm nhân dân: 1/- Ông Bùi Nam Từ

2/- Bà Lê Thị Xuân Mai

*Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hoa – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3,
Thành phố Hồ Chí Minh.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh tham
gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Phương - Kiểm sát viên.*

Trong ngày 14 tháng 8 năm 2017, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1019/TLST-DS ngày 05 tháng 10 năm 2016 về việc “Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 113/2017/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 159/2017/QĐST-DS ngày 20 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần A

Trụ sở: Số 198, đường K, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ chi nhánh: Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Phát H, là Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền. (Theo Giấy ủy quyền số 187/UQ-HCM.TH ngày 21/7/2016). (Có mặt)

Địa chỉ: phường Tân Sơn Nhì, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Bùi Việt A, sinh năm 1976 (Vắng mặt)

HKTT: Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 21/7/2016, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần A (gọi tắt là Vietcombank) có Ông Trần Phát H là Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền trình bày:

Ngày 18/3/2014, Vietcombank có phát hành thẻ tín dụng Amex số

A0736444 loại thẻ cá nhân tín chấp cho Ông Bùi Việt A – số chứng minh nhân dân: 022995117 với hạn mức thẻ là: 50.000.000VND – Là trưởng nhóm kinh doanh của Công ty Cổ phần CMA-CGM Việt Nam. Hiệu lực thẻ đến 31/3/2016; Lãi suất và các khoản phí được quy định tại Biểu phí phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế; Ông Bùi Việt A có đăng ký thanh toán toàn bộ số dư sao kê vào ngày 21 hàng tháng (ngày chốt sao kê của Vietcombank là ngày 01 hàng tháng). Hiện Ông Bùi Việt A đang thường trú tại Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh (số cũ là 385/9B đường Điện Biên Phủ, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh).

Sau khi được phát hành thẻ, Ông Bùi Việt A đã sử dụng để chi tiêu cá nhân (lần sử dụng thẻ đầu tiên vào ngày 26/4/2014 với số tiền là 1.000.000 đồng) và không thanh toán đúng hạn mặc dù Vietcombank đã gửi thông báo nhắc nợ hàng tháng, gọi điện thoại nhắc nhở nhiều lần và đến nhà trực tiếp giải quyết công nợ nhưng Ông Bùi Việt A đều tránh né và người thân không có thiện chí hợp tác.

Lần cuối cùng Ông Bùi Việt A sử dụng thẻ tín dụng quốc tế là để rút tiền mặt với số tiền là 1.000.000 đồng vào ngày 29/02/2016. Trong tháng 3/2016, Ngân hàng chốt số tiền thanh toán thẻ của Ông Bùi Việt A theo định kỳ hàng tháng với số tiền là 11.506.000 đồng. Như vậy, tính đến tháng 3/2016, Ông Bùi Việt A còn nợ tiền gốc của Vietcombank với số tiền là 45.107.360 đồng. Đến ngày 31/5/2016, Ông Bùi Việt A được hưởng số tiền 352.350 đồng do tích lũy điểm thưởng từ việc sử dụng thẻ nên số tiền này được tính là Ông Bùi Việt A đã thanh toán cho Vietcombank và kể từ đó cho đến nay, Ông Bùi Việt A không thực hiện thêm bất kỳ kỳ thanh toán nào.

Do không có tinh thần hợp tác và thiếu trách nhiệm trả nợ nên Vietcombank đã làm thủ khởi kiện yêu cầu Tòa buộc Ông Bùi Việt A phải thanh toán cho Vietcombank toàn bộ số tiền nợ tạm tính đến ngày 25/5/2017 là: 77.547.371VND (Bảy mươi bảy triệu năm trăm bốn mươi bảy ngàn ba trăm bảy mươi một đồng), chi tiết như sau:

Đơn vị tính: đồng

TÀI KHOẢN THẺ	NỢ GỐC	LÃI	PHÍ	TỔNG DƯ NỢ
A0736444	45.107.360	10.112.056	22.327.955	77.547.371

Ngoài ra, Ông Bùi Việt A còn phải trả tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất quy định của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 18/3/2014 tính từ ngày 26/5/2017 cho đến khi thanh toán hết số nợ.

Trong quá trình Ông Bùi Việt A sử dụng thẻ, Vietcombank đã áp dụng nhiều mức lãi suất theo quy định của Ngân hàng Nhà nước cụ thể:

- + Từ ngày 02/7/2013 đến ngày 15/01/2014: Lãi suất là 15%/năm
- + Từ ngày 16/01/2014 đến ngày 31/7/2015: Lãi suất là 20%/năm
- + Từ ngày 01/8/2015 đến ngày 02/4/2017: Lãi suất là 17%/năm
- + Từ ngày 03/4/2017 đến nay: Lãi suất là 18%/ năm.

Mỗi khi có sự thay đổi về mức lãi suất, Vietcombank đều thông báo cho Ông Bùi Việt A thông qua email của Ông Bùi Việt A.

Đối với số tiền phí mà phía Vietcombank yêu cầu Ông Bùi Việt A phải trả tạm tính đến ngày 25/5/2017 với số tiền 22.327.955 đồng bao gồm: Phí phạt chậm trả; phí vượt hạn mức và phí rút tiền mặt. Vietcombank áp dụng tính theo Điều 5 của Thông tư quy định về hoạt động thẻ ngân hàng của Ngân hàng Nhà nước số 19/2016/TT- NHNN ngày 30/6/2016, trước đó là Quyết định số 20/2007/QĐ-NHNN ngày 15/5/2007. Trong đó:

- + Phí chậm trả là 20.557.330 đồng.
- + Phí vượt hạn mức là 1.390.625 đồng.
- + Phí rút tiền mặt là 380.000 đồng.

Piazza Vietcombank sẽ tính các phí này theo quy định tại Biểu phí phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế, khi khách hàng nhận thẻ thì phía Vietcombank cũng đã giao biểu phí này cho khách hàng.

Cách tính lãi, phí như sau:

- Số tiền lãi: Số tiền gốc x số ngày x lãi suất được quy định theo từng thời kỳ.

- Số tiền phí phạt chậm thanh toán: 3% x số tiền thanh toán tối thiểu của kỳ trước chưa thanh toán, số tiền phí phạt tối thiểu hàng tháng là: 50.000VND

- Phí vượt hạn mức: (Căn cứ theo Mục 6 ở biểu phí phát hành và sử dụng thẻ tín dụng)

- + Từ 1 - 5 ngày: số tiền vượt hạn mức x số ngày x 8%/năm
- + Từ 6 - 15 ngày: số tiền vượt hạn mức x số ngày x 10%/năm
- + Từ 15 trở lên ngày: số tiền vượt hạn mức x số ngày x 15%/năm.

Khi có điều chỉnh lãi suất theo từng thời kỳ, Vietcombank có thông báo cho Ông Bùi Việt A thông qua email đã đăng ký với Vietcombank. Theo quy định của Vietcombank thì hàng tháng Vietcombank tự động gửi email thông báo số tiền nợ sao kê thẻ và thay đổi lãi suất (nếu có) trên sao kê đó bằng File đính kèm đến hộp mail của người nhận. Chính vì vậy, khi Tòa án yêu cầu trích xuất nội dung của các Email đã gửi cho khách hàng Bùi Việt Anh, Vietcombank chỉ cung cấp được báo cáo đã gửi thông báo cho ông Bùi Việt Anh với kết quả như sau:

"sent file A0736444.pdf – statement of to vietsmelbourn@yahoo.com, vietsmelbburne2012@yahoo.com successfully" (có nghĩa là giao dịch đã gửi thành công), mà không trích xuất được nội dung của các email mà phía Vietcombank đã gửi cho Ông Bùi Việt A.

Nay, Vietcombank yêu cầu Tòa buộc Ông Bùi Việt A phải trả cho Vietcombank số tiền gốc là 45.107.360 đồng và tiền lãi, phí phát sinh tính đến ngày Tòa xét xử theo quy định tại Biểu phí phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của Vietcombank.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần A có Ông Trần Phát H là Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền trình bày: Ngày 18/3/2014, Ông Bùi Việt A, sinh năm 1976, số chứng minh nhân dân 022995117, hộ khẩu thường trú tại Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh (số cũ là 385/9B đường Điện Biên Phủ, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh), đồng thời là Trưởng nhóm kinh doanh của Công ty Cổ phần CMA-CGM Việt Nam (trước đây là Công ty TNHH CMA-CGM), có địa chỉ trụ sở tại lầu 8, Tòa nhà Fideco, số 81 – 85, đường Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, có ký Giấy yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế kèm hợp đồng với Vietcombank. Căn cứ Các điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế, Vietcombank có phát hành thẻ tín dụng Amex số A0736444 loại thẻ cá nhân tín chấp cho Ông Bùi Việt A, với hạn mức thẻ là 50.000.000 đồng (do Ông Bùi Việt A có mức lương cơ bản 18.000.000 đồng/tháng). Hiệu lực thẻ đến 31/3/2016. Lãi suất và các khoản phí được quy định tại Biểu phí phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của Vietcombank. Mục đích Ông Bùi Việt A sử dụng vào việc tiêu dùng cá nhân. Mặc dù vào thời điểm ký Giấy yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế kèm hợp đồng với Vietcombank, Ông Bùi Việt A có cung cấp thông tin “đã có gia đình” nhưng Vietcombank xác định việc cấp thẻ cho Ông Bùi Việt A mục đích chỉ sử dụng vào tiêu dùng cá nhân với số tiền nhỏ là 50.000.000 đồng nên nay Vietcombank xác định chỉ yêu cầu cá nhân Ông Bùi Việt A phải có nghĩa vụ trả cho Vietcombank số tiền là 85.569.959 (Tám mươi lăm triệu năm trăm sáu mươi chín ngàn chín trăm năm mươi chín) đồng làm một lần ngay sau khi bản án của Tòa có hiệu lực pháp luật, trong đó số tiền gốc là 45.107.360 đồng, tiền lãi là 12.187.011 đồng, phí phạt chậm trả là 25.374.409 đồng, phí vượt hạn mức là 2.521.179 đồng và phí rút tiền mặt là 380.000 đồng (Tiền lãi, phí phát sinh được tính theo quy định tại Biểu phí phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của Vietcombank) mà không yêu cầu vợ Ông Bùi Việt A phải cùng liên đới trả nợ.

- Bị đơn Ông Bùi Việt A vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết, thu thập chứng cứ và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:

- Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần A khởi kiện bị đơn Ông Bùi Việt A phải có trách nhiệm thanh toán số nợ do sử dụng thẻ tín dụng quốc tế Amex theo Giấy yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế được Ngân hàng phê duyệt ngày 18/3/2014, nên đây là vụ án “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” được quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2005.

Theo kết quả xác minh của Công an Phường 4, Quận 3 trả lời Phiếu yêu cầu xác minh ngày 04/01/2017 của Tòa án nhân dân Quận 3 thể hiện: “Ông Bùi

Việt A, sinh năm 1976, có hộ khẩu thường trú tại số 22/7 Nguyễn Hiền, Phường 4, Quận 3. Hiện nay cư ngụ tại: Chung cư A605, chung cư Ehome 2, Phước Long B, Quận 9 (từ tháng 01/2017 đến nay). Ông Bùi Việt A có mối quan hệ là con ruột với chủ hộ căn nhà số 22/7 Nguyễn Hiền, Phường 4, Quận 3”.

Theo kết quả xác minh của Công an phường Phước Long B, Quận 9 trả lời Phiếu yêu cầu xác minh ngày 22/02/2017 của Tòa án nhân dân Quận 3 thể hiện: “Ông Bùi Việt A, sinh năm 1976, hiện không có mặt tại số A605, chung cư Ehome 2, tổ 10, Khu phố 6, Phước Long B, Quận 9. Dương sự Anh không có đăng ký thường trú hay tạm trú địa chỉ trên”.

Theo kết quả xác minh của Công an Phường 4, Quận 3 trả lời Phiếu yêu cầu xác minh ngày 21/3/2017 của Tòa án nhân dân Quận 3 thể hiện: “Ông Bùi Việt A, sinh năm 1976, có hộ khẩu thường trú tại số 385/9B đường Điện Biên Phủ, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh (số mới là 22/7 Nguyễn Hiền, Phường 4, Quận 3, TP.HCM. Hiện nay không cư ngụ tại địa phương”.

Theo kết quả xác minh của Công ty Cổ phần CMA – CGM Việt Nam (trước là Công ty TNHH CMA – CGM Việt Nam) thể hiện: “Ông Bùi Việt A sinh ngày 05/11/1976 có làm việc tại Công ty Cổ phần CMA – CGM Việt Nam, Lầu 8, 81 – 85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 01/10/2013 đến 30/5/2015. Công ty Cổ phần CMA – CGM Việt Nam không có địa chỉ tại số 87 đường Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.”

Do bị đơn có nơi cư trú tại Quận 3 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3 căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn Ông Bùi Việt A đã được tổng đạt, niêm yết hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập để trình bày ý kiến, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân Quận 3 tiến hành xét xử vắng mặt Ông Bùi Việt A.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần A (gọi tắt Vietcombank):

Căn cứ Giấy yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế được Ngân hàng phê duyệt ngày 18/3/2014 thì giữa chủ thẻ chính là Ông Bùi Việt A và bên phát hành thẻ là Vietcombank có thỏa thuận việc cấp và sử dụng thẻ tín dụng Amex số A0736444 loại thẻ cá nhân tín chấp, với hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng. Hiệu lực thẻ đến 31/3/2016.

Theo các Bảng tóm tắt sao kê và Bảng chi tiết sử dụng và tính lãi thẻ tín dụng do Vietcombank cung cấp thì lần lượt Ông Bùi Việt A bắt đầu sử dụng thẻ vào ngày 26/4/2014 với số tiền là 1.000.000 đồng và lần cuối cùng thực hiện giao dịch là ngày 29/02/2016 với số tiền là 1.000.000 đồng. Thời gian từ ngày 26/4/2014 đến 29/02/2016, số tiền giao dịch mà Ông Bùi Việt A đã sử dụng thẻ

là: 45.107.360 đồng (số tiền gốc). Ngày 01/3/2017, Ngân hàng chốt số tiền gốc mà Ông Bùi Việt A còn nợ là 45.107.360 đồng, tiền lãi là 946.948 đồng, phí phạt chậm trả là 139.890 đồng, phí rút tiền mặt là 380.000 đồng. Ngày 31/5/2016, Ông Bùi Việt A được hưởng số tiền 352.350 đồng do tích lũy điểm thưởng từ việc sử dụng thẻ nên số tiền này được tính là Ông Bùi Việt A đã thanh toán cho phía Ngân hàng. Tính đến nay, 14/8/2017, Ông Bùi Việt A còn nợ lại: Số tiền gốc là 45.107.360 đồng, tiền lãi là 12.187.011 đồng, phí phạt chậm trả là 25.374.409 đồng, phí vượt hạn mức là 2.521.179 đồng và phí rút tiền mặt là 380.000 đồng. Tổng cộng: 85.569.959 đồng.

Tại khoản 1 Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định: “Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn...”

Theo quy định tại Các điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế kèm theo Giấy yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế của Vietcombank:

+ Tại điểm d khoản 3.1 Điều 3 về Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng : “Yêu cầu Chủ thẻ thanh toán các giao dịch thẻ và các khoản lãi, phí liên quan trong kỳ chậm nhất vào ngày đến hạn”.

+ Tại khoản 4.2 và 4.6 Điều 4 về Thanh toán và trả nợ:

“4.2. Chủ thẻ phải trả cho Ngân hàng các khoản phí ứng tiền mặt, phí chậm thanh toán, phí vượt hạn mức và các loại phí, lãi khác theo Biểu phí do Ngân hàng quy định...”

4.6. Chủ thẻ có trách nhiệm kiểm tra và thanh toán đúng hạn cho Ngân hàng tất cả các khoản nợ phát sinh như nội dung ghi trên sao kê theo quy định.”

+ Tại khoản 5.5 và 5.6 Điều 5 về Lãi và phí của các giao dịch sử dụng thẻ:

“5.5. Phí chậm thanh toán: Nếu đến hạn thanh toán Chủ thẻ không trả hoặc trả số tiền nhỏ hơn trị giá thanh toán tối thiểu mà Ngân hàng yêu cầu, Chủ thẻ sẽ chịu mức phí chậm thanh toán theo quy định của Ngân hàng tính trên phần trị giá thanh toán tối thiểu chưa thanh toán.

5.6. Phí vượt hạn mức: Chủ thẻ sẽ phải chịu phí vượt hạn mức tính trên dư nợ vượt hạn mức tín dụng khi Chủ thẻ sử dụng quá hạn mức tín dụng được cấp hoặc Chủ thẻ có yêu cầu tăng hạn mức tín dụng tạm thời trong khoảng thời gian đến trước ngày sao kê theo quy định của Ngân hàng”.

+ Tại khoản 7.3 và 7.4 Điều 7 về Đổi, phát hành lại và ngừng sử dụng thẻ:

“7.3. ...Khi hết thời hạn sử dụng thẻ mà Chủ thẻ không làm thủ tục để tiếp tục sử dụng thẻ thì toàn bộ số dư còn lại trên tài khoản thẻ sẽ đáo hạn và Chủ thẻ có trách nhiệm thanh toán mọi chi phí phát sinh tới thời điểm đó...”

7.4. Ngân hàng được quyền thu hồi hoặc khóa thẻ của Chủ thẻ trong những trường hợp sau:

... Sau 60 ngày kể từ ngày đến hạn, Chủ thẻ không trả hoặc chỉ trả khoản tiền nhỏ hơn trị giá thanh toán tối thiểu”.

Mặt khác, tại Điều 5 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động thẻ Ngân hàng (trước đó là Điều 6 Quyết định số 20/2007/QĐ-NHNN ngày 15/5/2007 của Thông đốc Ngân hàng Nhà nước về ban hành Quy chế phát hành, thanh toán, sử dụng và cung cấp dịch vụ hỗ trợ hoạt động thẻ Ngân hàng) quy định cụ thể như sau:

“Khoản 1 Điều 5 Thông tư số 19 quy định: Chỉ TCPHT được thu phí của chủ thẻ. TCPHT thu phí theo Biểu phí dịch vụ thẻ của tổ chức mình và không được thu thêm bất kỳ loại phí nào ngoài Biểu phí đã công bố. Biểu phí dịch vụ thẻ phải nêu rõ các loại phí, mức phí áp dụng cho từng loại thẻ và dịch vụ thẻ. Biểu phí dịch vụ thẻ của TCPHT phải phù hợp với quy định của pháp luật, được niêm yết công khai và phải cung cấp cho chủ thẻ trước khi sử dụng và khi có sự thay đổi...”

Điều 6 Quyết định số 20 quy định: Chủ thẻ phải trả phí cho việc sử dụng dịch vụ thẻ. Loại phí và mức phí do TCPHT quy định tùy thuộc vào loại thẻ sử dụng, dịch vụ mà chủ thẻ được cung ứng khi sử dụng thẻ và không trái với quy định của pháp luật.”

Vietcombank đã thực hiện việc thông báo số tiền nợ sao kê thẻ và thông báo thay đổi điều chỉnh lãi suất theo từng thời kỳ (nếu có) trên sao kê đó bằng tập tin đính kèm cho Ông Bùi Việt A thông qua email của Ông Bùi Việt A đã đăng ký với Ngân hàng đồng thời trước khi Vietcombank thực hiện việc khởi kiện Ông Bùi Việt A tại Tòa cũng đã hai lần gửi Thông báo nhắc nợ về việc thanh toán thẻ tín dụng đến các địa chỉ mà Ông Bùi Việt A cung cấp tại Giấy yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế được Ngân hàng phê duyệt ngày 18/3/2014 thế nhưng Ông Bùi Việt A vẫn không có thiện chí thanh toán các khoản nợ còn thiếu cho Vietcombank.

Từ những căn cứ trên, xét yêu cầu của Vietcombank yêu cầu Tòa buộc Ông Bùi Việt A phải trả cho Vietcombank số tiền là 85.569.959 (Tám mươi lăm triệu năm trăm sáu mươi chín ngàn chín trăm năm mươi chín) đồng làm một lần ngay sau khi bản án của Tòa có hiệu lực pháp luật, trong đó số tiền gốc là 45.107.360 đồng, tiền lãi là 12.187.011 đồng, phí phạt chậm trả là 25.374.409 đồng, phí vượt hạn mức là 2.521.179 đồng và phí rút tiền mặt là 380.000 đồng (Tiền lãi, phí phát sinh được tính theo quy định tại Biểu phí phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của Vietcombank), là có cơ sở nghĩ nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu của Nguyên đơn được chấp nhận nên Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Tòa án nhân dân Quận 3 trong quá trình giải quyết vụ án và tham gia phiên tòa sơ thẩm hôm nay, nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Ngoại thương

Việt Nam là có cơ sở để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 471, khoản 1 Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Áp dụng Quyết định số 20/2007/QĐ-NHNN ngày 15/5/2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về ban hành Quy chế phát hành, thanh toán, sử dụng và cung cấp dịch vụ hỗ trợ hoạt động thẻ Ngân hàng và Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động thẻ Ngân hàng;

- Áp dụng Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án;

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự năm 2008.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần A:

Buộc Ông Bùi Việt A phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền là 85.569.959 (Tám mươi lăm triệu năm trăm sáu mươi chín ngàn chín trăm năm mươi chín) đồng làm một lần ngay sau khi bản án của Tòa có hiệu lực pháp luật, trong đó số tiền gốc là 45.107.360 đồng, tiền lãi là 12.187.011 đồng, phí phạt chậm trả là 25.374.409 đồng, phí vượt hạn mức là 2.521.179 đồng và phí rút tiền mặt là 380.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, Ông Bùi Việt A còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi, phí phát sinh được tính theo Giấy yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế được Ngân hàng phê duyệt ngày 18/3/2014 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Việc thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2/. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Bùi Việt A phải chịu 4.278.498 (Bốn triệu hai trăm bảy mươi tám ngàn bốn trăm chín mươi tám) đồng.

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền 1.271.301 (Một triệu hai trăm bảy mươi một ngàn ba trăm lẻ một) đồng là tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0002754 ngày 04/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng Thương mại Cổ phần A được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng Ông Bùi

Việt A được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND Quận 3;
- THADS Quận 3;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Ánh Phụng